

CẤU TRÚC BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

TRẦN THANH BÌNH^{□□}

TÓM TẮT: Bài học là hình thức cơ bản, chủ yếu nhất của việc tổ chức các hoạt động dạy học trong nhà trường và liên quan trực tiếp đến việc xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa bộ môn. Bài viết này giới thiệu một mô hình cấu trúc bài học văn, mong được đóng góp vào việc xác định và xây dựng những đơn vị bài học cụ thể trong quá trình chuẩn bị biên soạn sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn mới theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Từ khoá: bài học, sách giáo khoa, ngữ văn, định hướng phát triển năng lực.

ABSTRACT: The lesson is the basic form of the organization of teaching activities in schools and directly related to the construction program and compile textbooks subjects. This article introduces the structure literature lesson, wish to contribute to the identification and construction of literature lesson in the textbook Literature following competence-oriented approach.

Key words: lesson, textbook, literature, competence-oriented approach.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực người học, “sách giáo khoa ngày càng được quan niệm là tài liệu tạo cơ hội giúp học sinh kiến tạo hiểu biết thông qua việc cung cấp nhiều nguồn kiến thức qua các văn bản tương ứng, trong đó có văn bản viết và minh họa, cho phép học sinh phát triển cách hiểu riêng. Sách giáo khoa ngày càng cung cấp cho học sinh nhiều hoạt động học tập, phản ánh quan điểm kiến tạo về bản chất tích cực của học tập” (Mike Horsley). Vì vậy, so với cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành, cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn mới sẽ buộc phải có những thay đổi cần thiết.

2. MÔ HÌNH CẤU TRÚC BÀI HỌC NGỮ VĂN

2.1. Trong quá trình chuẩn bị biên soạn sách giáo khoa Ngữ văn mới, theo chúng tôi, việc xây dựng các mô hình bài học theo định

hướng phát triển năng lực học sinh trước hết cần bám sát các nguyên tắc sau đây:

“Mô hình sách giáo khoa Ngữ văn sau năm 2018 là sự tích hợp giữa hai hướng phát triển nội dung dạy học: phát triển theo hệ thống kiểu loại văn bản và phát triển theo hệ thống đề tài - chủ điểm,... Đề tài được hiểu là các lĩnh vực hiện thực được phản ánh; còn chủ điểm là sự cụ thể hóa đề tài” (Nguyễn Minh Thuyết). Theo đó, việc phân chia và sắp xếp các bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn sẽ đồng thời dựa trên: 1/ Các kiểu loại văn bản chủ yếu như văn bản văn học (truyện, thơ, ký, kịch), văn bản nghị luận (nghị luận xã hội, nghị luận văn học), văn bản thông tin (thuyết minh, nhật dụng); 2/ Các đề tài, chủ điểm phù hợp với trải nghiệm và hứng thú của học sinh để qua các bài học khác nhau, học sinh được học các kiểu loại văn bản và đề tài, chủ điểm khác nhau. “Đó là cơ hội để chúng ta đưa những vấn đề lớn của cá nhân, đất nước và nhân loại vào nhà trường như tình yêu, ước mơ, bài học trên đường đời, chủ

^{□□} Tiến sĩ. Nhà Xuất bản Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

quyền quốc gia, bảo vệ môi trường, tiến bộ của thời đại công nghệ, toàn cầu hóa và giữ gìn bản sắc dân tộc,...(Bùi Mạnh Hùng).

Với quan điểm tích hợp, hệ thống các văn bản được đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn sẽ là ngữ liệu để gắn kết nội dung học tập của các phân môn; nói cách khác kiến thức tiếng Việt, làm văn cũng như yêu cầu phát triển năng lực học sinh sẽ được triển khai một cách thích hợp trên cơ sở khai thác và vận dụng tối đa văn bản đọc hiểu; lấy văn bản đọc hiểu làm cơ sở phát triển năng lực học sinh trên cả hai phương diện: tiếp nhận văn bản và tạo lập văn bản.

Văn bản đọc hiểu được lựa chọn phải phù hợp về nội dung, tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh; giúp khơi gợi, phát huy trí tưởng tượng của học sinh; giúp học sinh mở rộng kiến thức xã hội, con người và cuộc sống xung quanh; hướng học sinh đến mục tiêu hình thành, phát triển những phẩm chất tốt đẹp và các năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động cần cù, có tri thức và sáng tạo. Tùy theo quan niệm về quy mô bài học, mỗi bài học có thể được xây dựng dựa trên một văn bản đọc hiểu (như bài học của chương trình Ngữ văn hiện hành) nhưng cũng có thể gồm một số văn bản, trong đó có một văn bản đọc hiểu chính và một hay hai văn bản khác thể loại nhưng cùng đề tài với văn bản chính.

Với quan điểm phát triển, bên cạnh việc tuyển chọn những văn bản mới, xây dựng mô hình câu hỏi hướng dẫn mới theo định hướng phát triển năng lực, sách giáo khoa Ngữ văn mới vẫn cần kế thừa, khai thác, tận dụng tối đa hệ thống văn bản, hệ thống câu hỏi hướng dẫn dạy học, hệ thống dữ liệu của sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành để vừa đáp ứng yêu cầu giáo dục mới, vừa đảm bảo tính liên tục, liền mạch của quá trình phát triển.

Bám sát định hướng phát triển năng lực học sinh, mỗi bài học không chỉ cung cấp kiến thức

tổng hợp, nâng cao năng lực tư duy và sử dụng tiếng Việt cho học sinh trong thực tiễn giao tiếp; hình thành và phát triển ở học sinh năng lực phân tích, bình giá và cảm thụ văn học nghệ thuật một cách chủ động, tích cực mà quan trọng hơn, phải xây dựng được môi trường trải nghiệm sáng tạo thông qua các hoạt động thích hợp, khuyến khích và tạo điều kiện để học sinh gắn bó với cuộc sống hiện thực, vận dụng tổng hợp được những hiểu biết về ngôn ngữ, văn hoá, văn học, lịch sử, địa lý, phong tục, vốn sống, vốn tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm của bản thân,... vào giải quyết các vấn đề của cuộc sống.

Bám sát thực tế, việc biên soạn sách giáo khoa Ngữ văn mới nói chung, bài học Ngữ văn mới nói riêng cần được đặt trong bối cảnh hiện tại, khi các cơ sở giáo dục phổ thông đang có những chuyển biến nhất định để tự đổi mới chương trình hiện hành, hướng đến chương trình mới sau 2018. Chẳng hạn, quán triệt quan điểm tích hợp trong sách giáo khoa Ngữ văn mới không thể không liên quan đến thực tiễn phát triển chương trình nhà trường trong những năm gần đây theo tinh thần công văn số 791/HD-BGDĐT ngày 25/6/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT); việc triển khai mô hình bài học Ngữ văn tích hợp giữa hệ thống kiểu loại văn bản và hệ thống đề tài, chủ đề không thể không liên quan đến thực tiễn xây dựng chủ đề dạy học trong các môn học và các chủ đề tích hợp liên môn theo tinh thần công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 8/10/2014 của Bộ GD-ĐT.

2.2. Tùy theo cách tiếp cận của các tác giả khác nhau, khung cấu trúc cơ bản của đơn vị bài học có thể khác nhau nhưng theo hình dung bước đầu của chúng tôi, bài học Ngữ văn trung học cơ sở, trung học phổ thông sẽ có khung cấu trúc gồm các thành phần: mục tiêu dạy học, giới thiệu bài học, văn bản đọc hiểu, tiếng Việt, làm văn, luyện tập, mở rộng kiến thức. Cụ thể:

a) Mục tiêu dạy học

Trong mục tiêu dạy học, giáo viên cần dự kiến kết quả đạt được của quá trình dạy học, làm căn cứ để đánh giá chất lượng học tập của học sinh và hiệu quả thực hiện bài dạy của giáo viên bằng cách:

Xác định yêu cầu học sinh cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ qua bài học.

Xác định yêu cầu cần đạt về mức độ phát triển năng lực chung và năng lực Ngữ văn của học sinh.

b) Giới thiệu bài

Đây là bước khởi đầu rất quan trọng của bài học nhằm: xác định vai trò, vị trí của bài học trong chương trình dạy học; liên hệ giữa bài học mới với các bài học trước để xác lập tính hệ thống của chương trình dạy học; tạo tâm thế dạy học cho giáo viên và học sinh.

c) Văn bản đọc hiểu

Văn bản đọc hiểu vừa là đối tượng đặc trưng, thể hiện bản sắc của môn Ngữ văn, vừa là cơ sở chủ yếu của bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn. Mục tiêu của dạy học văn bản đọc hiểu nhằm giúp học sinh:

Hình thành, phát triển *kỹ thuật đọc* (đọc đúng, lưu loát, rõ ràng; ngắt hơi, phù hợp theo dấu câu; đọc nhanh theo tốc độ quy định của từng cấp học; đọc diễn cảm thể hiện đúng nội dung văn bản,...) và *chiến lược đọc* tùy thuộc vào quy mô, thể loại văn bản và mục đích đọc (đọc thâm để chiêm nghiệm; đọc thành tiếng để chia sẻ; đọc lướt để nắm nội dung tổng quát; đọc kỹ để hiểu đầy đủ, sâu sắc nội dung, tư tưởng và nghệ thuật biểu hiện của văn bản, tính sáng tạo của tác giả; đọc trọn vẹn văn bản để có cái nhìn chung; đọc từng phần để có cái nhìn bộ phận,...).

Hiểu các nội dung, ý nghĩa tường minh và hàm ẩn của văn bản đọc hiểu; biết diễn giải, suy luận, phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò giữa chúng trong việc thể hiện chủ đề; bước đầu hình thành văn hóa đọc nhằm đáp

ứng nhu cầu hiểu biết, giải trí và nhu cầu giải quyết những vấn đề đặt ra trong học tập và cuộc sống của bản thân.

Nắm được thể loại văn bản đọc hiểu; nhận biết những đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản; hiểu được nội dung và giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ của văn bản văn học; hiểu được nội dung, chức năng và cách thức tổ chức của văn bản nghị luận, văn bản thông tin.

Có khả năng đọc hiểu các văn bản cùng thể loại; liên hệ được nội dung văn bản đọc hiểu với những trải nghiệm, thái độ, tình cảm của bản thân.

Qua quá trình đọc hiểu, học sinh đồng thời phát triển kỹ năng viết ngắn (viết trả lời câu hỏi theo hướng dẫn chuẩn bị bài trong sách giáo khoa, ghi lời giảng của giáo viên, ghi chép vắn tắt những ý tưởng, thông tin quan trọng,...) và viết dài (các bài tự luận dựa vào kiến thức đọc hiểu), kỹ năng nói (phát biểu ý kiến xây dựng bài, trả lời câu hỏi, nêu thắc mắc,...) và kỹ năng nghe (câu hỏi của giáo viên, trả lời của bạn, phản hồi của bạn từ ý kiến của mình,...).

d) Tiếng Việt

Trong cấu trúc bài học Ngữ văn, kiến thức tiếng Việt được hình dung vừa như công cụ để đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản (làm văn); vừa như kết quả cụ thể của việc phát triển năng lực giao tiếp thông qua hoạt động đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản. Cụ thể, trong cấu trúc bài học Ngữ văn, việc dạy học tiếng Việt nhằm giúp học sinh:

Mở rộng vốn từ qua hoạt động đọc hiểu văn bản; những thao tác sử dụng tiếng Việt học được qua văn bản đọc hiểu sẽ được dùng để thực hành viết, nói và nghe.

Phát triển kỹ năng sử dụng các đơn vị ngôn ngữ cho học sinh qua văn bản đọc hiểu theo yêu cầu chuẩn năng lực của từng lớp học, cấp học như: biết xác định, suy luận nghĩa của từ ngữ thông qua thành tố, ngữ cảnh; biết phân tích, đánh giá sự phù hợp, nét đặc sắc trong

cách dùng từ ngữ, viết câu, vận dụng các biện pháp tu từ, tổ chức diễn ngôn.

Phát triển đồng thời cho học sinh kỹ năng đọc, viết, nói và nghe trong hoạt động giao tiếp hiện thực; biết phân biệt và có kỹ năng vận dụng các đặc trưng của ngôn ngữ nói và viết, ngôn ngữ tự nhiên và các phương tiện giao tiếp đa phương thức khác.

e) Làm văn

Trong cấu trúc bài học Ngữ văn hiện hành, làm văn chủ yếu được gắn với kỹ năng viết và nói; trong cấu trúc bài học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực học sinh, mục tiêu dạy học làm văn được định toàn diện hơn nhằm giúp học sinh:

Biết dựa vào văn bản đọc hiểu để viết được những văn bản cùng thể loại (nghị luận về một vấn đề xã hội; nghị luận về một vấn đề văn học; văn bản thông tin,...).

Phát triển kỹ năng lập dàn ý, trình bày quan điểm và hệ thống các luận điểm khi thể hiện thông điệp chính của văn bản theo mô hình ba phần: mở bài, thân bài, kết luận; kỹ năng kết hợp các thao tác lập luận cơ bản như giải thích, chứng minh, phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận, kỹ năng thu thập, đánh giá, vận dụng,... các nguồn thông tin đa dạng phục vụ cho bài viết; kỹ năng tiếp thu nhận xét, đánh giá của người khác để chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm cho những bài viết sau,...

Sau khi viết, học sinh có cơ hội trình bày và nghe nhận xét về những gì đã viết để đảm bảo phát triển đồng thời kỹ năng đọc - viết - nói - nghe cho bản thân.

g) Luyện tập

Trong bài học của sách giáo khoa Ngữ văn mới, phần *Luyện tập* chủ yếu được xây dựng thành các hình thức luyện tập tổng hợp, vì vậy, giáo viên yêu cầu học sinh vận dụng đồng thời các kiến thức đọc hiểu, tiếng Việt, làm văn và những kiến thức khác nhằm tập trung phát triển năng lực giao tiếp, năng lực cảm thụ văn học,

cảm thụ thẩm mỹ, bộc lộ được nhận thức, ý thức, kinh nghiệm, khả năng của mình về con người và cuộc sống xung quanh. Nói cách khác, ở phần này, bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn mới phải quan tâm thiết kế các hình thức luyện tập, cho phép chuyển những gì đã đọc thành yêu cầu viết sáng tạo, chuyển những gì đã viết thành yêu cầu nói, trình bày sáng tạo; khi nói, trình bày sáng tạo, học sinh đồng thời luyện tập, phát triển kỹ năng lắng nghe, phản biện, tiếp thu, chỉnh sửa,...

h) Mở rộng kiến thức

Là phần có kết cấu mở, bao gồm nhiều nội dung, hoạt động, đáp ứng các yêu cầu phát triển năng lực học sinh một cách đa dạng, phong phú, hoặc giới thiệu một văn bản tương đương, gần gũi với bài học để tạo điều kiện so sánh, mở rộng kiến thức; cung cấp thông tin liên quan đến nội dung chính của văn bản đọc hiểu; có thể là những ô chữ, câu đố,... giúp học sinh vận dụng kiến thức, phát triển tư duy sáng tạo; hay là những hoạt động sưu tầm, diễn xướng, thuyết trình,... giúp các em vận dụng kiến thức vào thực tế, tăng cường thực hành, mở rộng trường liên tưởng,...

2.3. Mặc dù mô hình trên còn một số vấn đề cần thảo luận thêm (ví dụ: Mục tiêu dạy học nên để ở sách giáo khoa dưới dạng kết quả cần đạt như sách giáo khoa Ngữ văn THCS, THPT hiện hành hay nên chuyển sang sách giáo viên; giới thiệu bài học nên coi là thành phần thuộc cấu trúc bài học của sách giáo khoa hay nhiệm vụ trong các giáo án cụ thể của mỗi giáo viên; phần luyện tập nên để ở sách giáo khoa hay chuyển sang sách bài tập,...) nhưng nhìn chung, mô hình này phù hợp với việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hình thành kiến thức mới, thực hành, ứng dụng, bổ sung cho học sinh trong thực tiễn dạy học theo hướng dẫn mới của Bộ GD-ĐT(2014); cụ thể:

a) Hoạt động trải nghiệm giúp học sinh kích hoạt vốn kiến thức, kỹ năng đã có của học

sinh để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới; tạo tâm thế, hứng thú để bước vào bài học; tìm hiểu hiểu biết của học sinh về những vấn đề thực tiễn cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học; hoạt động trên tương ứng với nhiệm vụ *giới thiệu bài học*.

b) *Hoạt động hình thành kiến thức mới* giúp học sinh tự chiếm lĩnh kiến thức mới về đọc hiểu văn bản, tiếng Việt, làm văn thông qua hệ thống các bài tập và nhiệm vụ học tập.

Hoạt động này tương ứng với các nhiệm vụ của thành phần *Đọc hiểu văn bản, Tiếng Việt, Làm văn*: đọc văn bản để hiểu được nội dung và giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ của văn bản văn học, hiểu được nội dung, chức năng và cách thức tổ chức văn bản thông tin; từ văn bản đọc hiểu nắm được những kiến thức mới về tiếng Việt, làm văn,...

c) *Hoạt động thực hành*: Yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức mới vừa học để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể; thông qua đó, học sinh vừa củng cố tri thức, vừa hình thành các kỹ năng liên quan.

d) *Hoạt động ứng dụng*: Yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ trong thực tế; khuyến khích học sinh nghiên cứu, sáng tạo, tìm phương pháp giải quyết vấn đề theo những cách khác nhau.

Hai hoạt động thực hành và ứng dụng tương ứng với nhiệm vụ *luyện tập*.

e) *Hoạt động bổ sung*: Giúp học sinh tiếp tục mở rộng kiến thức khoa học và cuộc sống, rèn luyện và phát triển kỹ năng.

Hoạt động này tương ứng với nhiệm vụ *mở rộng kiến thức*.

2.4. Ở một góc độ khác, mô hình trên về cơ bản tương đồng với quan điểm của tác giả Bùi Mạnh Hùng khi phác thảo chương trình Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực: “Nội dung môn Ngữ văn (ở bậc tiểu học được gọi là môn Tiếng Việt) từ lớp 1 đến lớp 12

được tổ chức theo bốn mạch chính, tương ứng với bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản đọc, viết, nói, nghe và phần kiến thức ngữ văn (tiếng Việt và văn học) hỗ trợ cho bốn mạch kỹ năng. Bốn mạch kỹ năng này sẽ được triển khai thành hệ thống các chuẩn cần đạt đối với từng kỹ năng” (Bùi Mạnh Hùng) “Thay vì lấy kiến thức văn học (chủ yếu là kiến thức văn học sử), tiếng Việt và tập làm văn làm nội dung chính, cấu trúc của chương trình mới phải được xây dựng dựa trên các trụ cột chính tương ứng với các năng lực giao tiếp: đọc, viết, nói và nghe. Các năng lực này sẽ được phân giải thành những yêu cầu cần đạt theo độ khó tăng dần và liên tục từ lớp 1 đến lớp 12. Để đạt những yêu cầu trên, chương trình phải thiết kế được các nội dung dạy học cốt lõi, gồm hai phần chính là kiến thức (văn học, tiếng Việt và giao tiếp) và ngữ liệu là những văn bản thuộc các kiểu loại khác nhau gồm: văn bản văn học (*literary texts*), văn bản nghị luận (*persuasivetexts*), văn bản thông tin (*informationalttexts*)” (Bùi Mạnh Hùng). Theo hình dung của tác giả Bùi Mạnh Hùng, cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn mới không triển khai thành các bộ phận: văn bản đọc hiểu - tiếng Việt - làm văn như cấu trúc của sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành mà được tổ chức theo bốn mạch chính, tương ứng với bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản đọc, viết, nói và nghe. Trong đó, “kỹ năng đọc cần được coi là quan trọng nhất (Bùi Mạnh Hùng). “Một bài học phải có đầy đủ các hoạt động dạy học: đọc, viết, nói và nghe. Các hoạt động phải tích hợp với nhau theo cách: những gì đã đọc sẽ làm cơ sở cho viết, những gì đã đọc và viết sẽ làm cơ sở cho nói và nghe. Một mặt, sách giáo khoa mới phải dành thời gian cho học sinh được đọc kỹ văn bản, mặt khác cần cho người học cơ hội được rèn luyện một cách hiệu quả năng lực viết, nói và nghe” (Bùi Mạnh Hùng). Như vậy, những điểm tương đồng quan trọng nhất giữa mô hình đề xuất của

chúng tôi với mô hình phác thảo của tác giả Bùi Mạnh Hùng là đều nhấn mạnh đến tầm quan trọng hàng đầu của văn bản đọc hiểu (gắn liền với kỹ năng đọc), nhấn mạnh đến yêu cầu khai thác và vận dụng tối đa văn bản đọc hiểu để dạy Tiếng Việt, Làm văn (gắn liền với kỹ năng viết, nói và nghe), đều coi việc dạy học một kỹ năng này luôn phải gắn liền với dạy học ba kỹ năng kia và đọc là cơ sở của viết, đọc - viết là cơ sở của nói - nghe, ngược lại: nói - nghe tác động đến đọc - viết, viết tác động đến đọc,...

Dựa trên những điểm tương đồng quan trọng đó, có thể khẳng định: mô hình đề xuất của chúng tôi với ba thành phần kiến thức: văn bản đọc hiểu - tiếng Việt - làm văn tuy hình thức là theo mô hình bài học của sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành nhưng nội dung lại được triển khai triệt để theo cách dạy học tích hợp và tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh; do đó, mô hình này vừa có thể đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực học sinh trong khuôn khổ chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành, vừa có thể điều chỉnh dễ dàng để thích ứng với mô hình bốn mạch chính, tương ứng với bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản nếu mô hình bốn mạch chính được chấp nhận trong tương lai.

3. KẾT LUẬN

Quan điểm tiếp cận, thiết kế và thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học

sinh đòi hỏi trước hết cần: 1/ Xây dựng hệ thống các năng lực chung cần hình thành, phát triển cho học sinh; 2/ Xây dựng các hệ thống năng lực chuyên biệt mà mỗi môn học có thể đảm nhận qua ba thông số: a) Đặc điểm của năng lực; b) Kết quả cần đạt về năng lực; c) Tiêu chí và hình thức đánh giá năng lực; 3/ Xác định chuẩn năng lực đầu ra cho mỗi giai đoạn/cấp/lớp đối với từng môn học. Với cách hình dung này, việc xây dựng bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực học sinh chỉ có thể có ý nghĩa và phát huy được hiệu quả khi chương trình giáo dục phổ thông tổng thể xây dựng được hệ thống các năng lực chung; và chương trình Ngữ văn xác định được hệ thống năng lực chuyên biệt mà môn học có nhiệm vụ phát triển cho học sinh qua các thông số cụ thể. Bên cạnh đó, chúng ta không chỉ hướng đến mục tiêu phát triển năng lực học sinh, bài học trong sách giáo khoa Ngữ văn mà còn cần thiết hướng đến mục tiêu phát triển năng lực giáo viên, tạo ra những độ mở nhất định để trên cơ sở bài học đó, giáo viên có thể chủ động, tích cực và hứng thú thiết kế nên các giáo án dạy học đa dạng, sáng tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ sở giáo dục nói chung và với sở trường, khả năng của từng cá nhân nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn cấp trung học phổ thông*, Tài liệu tập huấn, Hà Nội, tháng 6. Nguồn: <https://sites.google.com>.
2. Bùi Mạnh Hùng (2014), “Phác thảo chương trình Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, số 56 (90), tháng 3.
3. Bùi Mạnh Hùng (2016), *Biên soạn Sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực và tích hợp: từ góc độ môn Ngữ văn*, Kỷ yếu Hội thảo “Biên soạn Sách giáo khoa mới theo định hướng tích hợp liên môn và phát triển năng lực”, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

4. Mike Horsley (2013), *Những xu hướng chính của việc đổi mới và hiện đại hoá chương trình, Sách giáo khoa trong thời đại số và toàn cầu hoá*, Kỷ yếu Hội thảo “Đổi mới và hiện đại hoá chương trình, Sách giáo khoa theo định hướng phát triển bền vững”, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

5. Nguyễn Minh Thuyết (2016), *Tích hợp trong Sách giáo khoa Ngữ văn mới*, Kỷ yếu Hội thảo “Biên soạn Sách giáo khoa mới theo định hướng tích hợp liên môn và phát triển năng lực”, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

6. Trần Thanh Bình (2016), “Thiết kế thử nghiệm bài dạy học tiếng Việt lớp 5 theo định hướng phát triển năng lực học sinh”, *Tạp chí Dạy và học ngày nay*, tháng 9/2016.

7. Trần Thanh Bình, Nguyễn Lê Ngọc Bích (2016), “Thiết kế bài học tích hợp Ngữ văn 6 theo quan điểm phát triển chương trình nhà trường”, *Tạp chí Giáo dục số 392*, kỳ 2, tháng 10/2016

8. Trần Thanh Bình, Nguyễn Lê Ngọc Bích (2016), “Thiết kế dạy học tích hợp văn bản Bài học đường đời đầu tiên (chương trình Ngữ văn 6)”, Kỷ yếu Hội thảo Nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở Nam Bộ trong tình hình hiện nay, Trường Đại học Trà Vinh, tháng 11/2016.

Ngày nhận bài: 8/6/2016. Ngày biên tập xong: 20/5/2017. Duyệt đăng: 25/5/2017